

**QUY CHẾ BẦU CỬ, ỨNG CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán An Phát quy định Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

I. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định tiêu chuẩn, điều kiện để được bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị; cách thức bầu cử, ứng cử, đề cử người làm thành viên Hội đồng quản trị và tính kết quả kiểm phiếu bầu cử.

Điều 1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là (05) năm người

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b) Là Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông; *hoặc* người khác là cổ đông sở hữu *ít hơn 5%* tổng số cổ phần, *hoặc* không phải là cổ đông công ty nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản lý kinh doanh và trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.

Điều 3. Nguyên tắc đề cử và ứng cử

Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.

1. Ứng cử:

Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền ứng cử để được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát.

2. Đề cử:

- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử 01 (một) ứng cử viên;



b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử đủ số ứng cử viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.

3. Người ứng cử hoặc được đề cử bầu làm thành viên hội đồng quản trị hoặc thành viên ban kiểm soát phải gửi cho công ty một bản Sơ yếu lý lịch (mẫu gửi kèm) theo quy định.

Điều 5 Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu bổ sung vào HĐQT

1. Người ứng cử hoặc được nhóm cổ đông đề cử để bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị phải gửi văn bản ứng cử hoặc đề cử kèm theo sơ yếu lý lịch của người ứng cử hoặc đề cử cho công ty, thời gian gửi văn bản chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội. Căn cứ sơ yếu lý lịch của ứng cử viên, Ban tổ chức đại hội lập danh sách trích ngang các ứng cử viên báo cáo Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

2. Phiếu bầu được in sẵn họ, tên những người trong danh sách bầu cử, xếp theo thứ tự tên người theo vần A, B, C... có đóng dấu của công ty.

3. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT, BKS

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai

- Bản sao hợp lệ :

+ CMND (hoặc hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài)

+ Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;

+ Giấy ủy quyền (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử)

+ Hồ sơ khác.

Điều 6 Hình thức bầu cử, cách thức bầu cử

1. Hình thức bầu cử: việc bầu cử được thực hiện bằng bỏ phiếu kín, kết quả kiểm phiếu được công bố ngay sau khi kiểm phiếu xong, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Cách thức bầu cử: Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể như sau:

a) Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để dồn phiếu bầu cho 01 người do họ đề cử.

b) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần đại diện có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên mình tin nhiệm.

c) Người bầu cử đánh dấu V vào tên 01 người ứng cử trong Phiếu bầu bổ sung Iv.HĐQT.

Điều 7. Phiếu hợp lệ và không hợp lệ

1. *Phiếu hợp lệ*: là phiếu do Ban Tổ chức Đại hội phát ra; phiếu bầu 01 thành viên HĐQT

2. *Phiếu không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp sau*:

- a) Phiếu không do Ban Tổ chức đại hội phát ra;
- b) Phiếu viết thêm tên người, bầu cho người ngoài danh sách bầu cử;
- d) Phiếu bầu cho cả 02 thành viên ứng cử
- d) Phiếu ghi vượt quá số lượng cổ phần biểu quyết theo quy định;
- e) Phiếu không ký và ghi rõ họ tên người bầu cử

Điều 8. Tính toán kết quả bầu cử

1. Việc tính kết quả của từng phiếu bầu:

Tổng số phiếu biểu quyết trong phiếu bầu cử của cổ đông được bầu cho số thành viên được cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát;

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 9 Ban Kiểm phiếu Đại hội

1. Ban kiểm phiếu đại hội do Hội đồng Quản trị giới thiệu, Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua về số lượng và danh sách. Cơ cấu Ban kiểm phiếu gồm 03 người, trong đó có một Trưởng ban, và hai thành viên.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, kiểm tra, kiểm số phiếu thu về và kiểm phiếu bầu cử.
- Xem xét và kết luận các phiếu không hợp lệ.
- Lập biên bản kiểm phiếu; báo cáo với Chủ tọa đại hội, công bố kết quả bầu cử, ký vào biên bản bầu cử; niêm phong phiếu bầu và chuyển cho Chủ tọa Đại hội để Chủ tọa Đại hội bàn giao cho Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới lưu trữ theo quy định.

Ngoài ban kiểm phiếu và nhân viên kỹ thuật được Đại hội sử dụng làm nhiệm vụ kiểm phiếu, không ai được đến nơi ban kiểm phiếu đang làm việc.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát hiện điểm nào chưa phù hợp sẽ được HĐQT xem xét hiệu chỉnh hoặc bổ sung

Điều 10 Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm :

- Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
- Thành phần Ban kiểm phiếu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty")

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

PHẦN II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông được ủy quyền khi tham dự Đại hội.

1. Cổ đông phổ thông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến dự ĐHĐCĐ được, nếu muốn ủy quyền thì có thể ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất trước ngày 25/04/2016.
3. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND hoặc hộ chiếu), thư mời, giấy ủy quyền (nếu là đại diện được ủy quyền của cổ đông) để làm các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.

Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình hợp lệ.



4. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận thẻ biểu quyết tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận thẻ biểu quyết.
5. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.
6. Ban Tổ chức Đại hội sẽ công bố công khai chương trình Đại hội. Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện ủy quyền tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai và biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết tùy theo từng vấn đề.
7. Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.
9. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Tiểu Ban Kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội, Tiểu Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban kiểm phiếu.

1. Ban tổ chức Đại hội do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định thành lập. Ban tổ chức Đại hội có thể lập các tiểu ban để hỗ trợ trong quá trình tổ chức Đại hội.
2. Tiểu Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Tiểu Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện công tác kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình, tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông dự Đại hội.

Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Tiểu Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền kiến nghị việc từ chối quyền dự họp của người đó, kiến nghị việc từ chối cấp thẻ biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ thường niên biểu quyết thông qua tại cuộc họp. Ban kiểm phiếu có 03 thành viên không phải là các ứng viên vào thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, do Chủ tọa đề xuất và được ĐHĐCĐ chấp thuận . Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm đếm Thẻ biểu quyết trong quá trình lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông và giám sát chung trong suốt quá trình diễn ra ĐHĐCĐ thường niên.

Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

- Hướng dẫn cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông cách sử dụng Thẻ biểu quyết;
- Thu lại Thẻ biểu quyết sau khi kết thúc Đại hội;
- Kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến và báo cáo kết quả biểu quyết để Chủ tọa công bố trước Đại hội.

Điều 7 Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa ĐHĐCĐ thường niên. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp, trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cuối cùng.
3. Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
4. Chủ tọa có quyền trì hoãn đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
 - Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
5. Thư ký Đại hội do Chủ tọa cử. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

PHẦN III. TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ thảo luận và biểu quyết thông qua chương trình và nội dung cuộc họp ngay sau khi hoàn thành các thủ tục để buổi họp được diễn ra hợp lệ.
2. Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội và thảo luận trước khi biểu quyết thông qua các vấn đề trong nội dung trên. Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 10. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội

1. Cổ đông muốn đề xuất một yêu cầu nào đó tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 phải thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội
 - Phải giơ tay xin ý kiến của Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu.
 - Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
 - Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
 - Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau.
2. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.
 - Ngắn gọn, rõ ràng và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua.
 - Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến những vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

Điều 11. Thông qua Quyết định của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

1. Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các vấn đề theo các hình thức sau :
 - Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng Phiếu biểu quyết.
 - Biểu quyết thông qua việc cử người đại diện ủy quyền tới dự họp, khi đó người đại diện ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.
2. Những vấn đề sau được Đại hội thông qua khi có ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp thông qua:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

* Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này
3. Hình thức biểu quyết các vấn đề
Việc biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu biểu quyết.
Cổ đông sẽ biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách đánh dấu V vào Phiếu biểu quyết của mình theo các ô vuông Tán thành/không tán thành/không có ý kiến về từng nội dung cụ thể.

Điều 12. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015

Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản của Đại hội. Biên bản và Dự thảo Nghị quyết của Đại hội được đọc tại Đại hội và Đại hội biểu quyết thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Biên bản và Nghị quyết Đại hội được lưu giữ tại Trụ sở Công ty theo quy định.

PHẦN IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Quy chế này gồm 4 phần và 12 điều khoản, được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2016 và có hiệu lực ngay khi được thông qua để tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát.

2. Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

T/M.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



NGUYỄN HÒ HƯNG

BÁO CÁO

V/v : Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chứng khoán An Phát

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG) kính trình Đại hội đồng cổ đông "*Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị APG năm 2015*"

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2015

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 trải qua nhiều biến cố thăng - trầm. Đã có lúc, thị trường bứt phá nhờ kỳ vọng nói room, đã có lúc downtrend mạnh bởi sóng gió giá dầu quốc tế, rồi đồng usd, lãi suất... vẫn tiếp tục tăng trưởng. Thị trường khởi đầu với 545,6 điểm và kết thúc năm 2015 ở mức 579,0 điểm. Thị trường đã có sự phân hóa sâu sắc, UBCKNN liên tục có các chính sách nhằm tái cấu trúc các công ty chứng khoán.

Kết thúc năm 2015, APG đạt được kết quả kinh doanh khả quan nhờ bên cạnh việc quán triệt hoạt động theo đúng định hướng chiến lược dựa trên các yếu tố cốt lõi là con người và công nghệ, APG đã triển khai nhiều biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và các công tác chăm sóc khách hàng trong năm 2015. Tự hào với truyền thống và giá trị văn hóa riêng có được xây dựng qua gần 10 năm phát triển cùng thị trường chứng khoán Việt Nam, đến nay APG đã đào tạo và xây dựng được các lớp cán bộ kế cận có trình độ chuyên môn sâu, nhiệt huyết với công việc và gắn bó với APG tạo nên một khối thống nhất có sức mạnh vượt qua các giai đoạn khó khăn nhất. Ngoài ra, APG tiếp tục có những cải tiến về các chính sách quản trị nhân sự, đãi ngộ phù hợp tạo động lực cho cán bộ phát triển hoạt động kinh doanh.

- Một số kết quả nổi bật như sau :

- Kết thúc năm tài chính 2015, APG đạt mức lợi nhuận sau thuế là 24,27 tỷ, tăng hơn 3 lần so với năm 2014 và cao hơn gần 5 lần so với kế hoạch là 4,6 tỷ. Hiện tại, APG đã hoàn thành mục tiêu xóa lỗ lũy kế được đặt ra trong kỳ



DHDCĐ thường niên năm 2015. Giá trị sổ sách của công ty vào ngày 31/12/2015 đạt 10.220 đồng.

- Năm 2015 APG tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng mạnh của doanh thu môi giới (tăng hơn 8,6 lần so với năm 2014). Để đạt được thành tích này, chúng tôi đã đẩy mạnh sự phối hợp giữa bộ phận môi giới và bộ phận phân tích, nhằm cung cấp đến khách hàng những thông tin, nhận định bám sát diễn biến thị trường. Đồng thời, APG cũng tiếp tục tập trung phát huy thế mạnh trong hoạt động tư vấn, đầu tư. Đặc biệt hoạt động đầu tư đạt hơn 15,6 tỷ đồng đóng góp 48,48% tổng doanh thu cho Công ty.
- Về cơ cấu vốn, Công ty tiếp tục chú trọng giảm vay nợ để giảm thiểu rủi ro, do đó cơ cấu nguồn vốn nợ vay thấp nên các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều ở mức cao. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cơ cấu vốn đều cải thiện mạnh.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu

đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2015	TH năm 2015	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	11.900	32.218	270,74
Tổng chi phí	7.300	8.705	119,25
Lợi nhuận trước thuế	4.600	24.266	527,53

Bên cạnh việc phát triển kinh doanh và quản trị công ty, HĐQT APG nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam, đặc biệt là sự phát triển của nhân sự tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam trong tương lai. Năm 2015, APG đã thực hiện nhiều chương trình về cộng đồng, nổi bật như việc đồng hành cùng UBCKNN và các thành viên thị trường chung tay xây dựng điểm trường tiểu học – mẫu giáo tại bản Noong Khắt, xã Ngọc Long, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015

1. Tổng kết các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2015, Chủ tịch HĐQT đã chủ trì các cuộc họp của HĐQT, đồng thời thay mặt các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp với Tổng Giám đốc để nghe báo cáo tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp.

Bên cạnh đó, thành viên HĐQT cũng thường xuyên nhận được thông báo từ Chủ tịch HĐQT thông qua văn bản, email hoặc điện thoại về tình hình hoạt động của Công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó HĐQT luôn nắm bắt sát sao, kịp thời để chỉ đạo và đôn đốc các hoạt động của Tổng Giám đốc. Đánh giá khách quan, tất cả các thành viên HĐQT đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình.

HĐQT chú trọng công tác giám sát chặt chẽ việc tuân thủ thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.

Tại các phiên họp định kỳ, HĐQT công ty đều tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của quý và bản kế hoạch giai đoạn sau do Ban điều hành trình bày. Các cuộc họp đều được thảo luận dân chủ, công khai và có trách nhiệm cao.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

Công tác quản trị công ty của HĐQT được duy trì, củng cố và luôn đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và thực tiễn kinh doanh

2. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Trong năm 2015, với các hình thức kiểm tra, giám sát trực tiếp và gián tiếp việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, hoạt động của Tổng Giám đốc đã đạt được những kết quả sau :

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng của Tổng Giám đốc cho các trường bộ phận nghiệp vụ trong Công ty và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao.
- Tổng Giám đốc đã tiếp thu và có những biện pháp triển khai những nhiệm vụ mà HĐQT phân quyền, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp hoặc báo cáo bằng các văn bản định kỳ.
- Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.
- Kiểm soát có hiệu quả, thực hiện tốt vai trò quản trị rủi ro trong các mảng hoạt động nghiệp vụ của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và các quy định về kinh doanh chứng khoán.
- Tổng Giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và đề xuất những vấn đề trọng yếu của Công ty lên HĐQT.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2016

Trong năm 2016, HĐQT APG sẽ tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban điều hành để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm giữ vững thành quả đã đạt được và nâng cao năng lực cạnh tranh trên phạm vi toàn Công ty. Cụ thể :

- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn, chuyển sàn giao dịch HSX, tự chủ tài chính trong điều kiện hội nhập để củng cố và xây dựng vị thế APG trên thị trường trong nước.
- Tập trung phát triển dịch vụ trong đó đặc biệt là các nghiệp vụ Tư vấn tài chính, Môi giới và Giao dịch ký quỹ. Lấy Tư vấn làm thế mạnh nổi trội của APG trong giai đoạn tới, thể hiện đẳng cấp và giá trị của APG.
- Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của APG, thúc đẩy quảng bá thương hiệu.
- Nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng, tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng chính sách động lực, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty.

Trên đây là báo cáo sơ lược tình hình quản trị APG tính đến thời điểm 31/12/2015. Hội đồng quản trị APG sẽ nỗ lực hơn nữa trong công tác quản trị cũng như hoạt động giám sát điều hành. APG sẽ tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quản trị - cơ cấu tổ chức nhằm tạo lập vị thế và nâng cao uy tín trên thị trường.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HỒ HÙNG

Số: 10/ BKS APSI

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Kính thưa: CÁC QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP CK AN PHÁT

Thay mặt Ban Kiểm soát Tôi xin báo cáo Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty CP CK An Phát trong năm 2015 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức:

Tại đại hội cổ đông thường niên ngày 23/04/2015 thông qua gồm 03 thành viên, hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, từ đó đến nay không thay đổi:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

- | | |
|----------------------------|------------|
| 1.1 Bà: Lê Thị Mai Hòa | Trưởng ban |
| 1.2 Bà: Nguyễn Thị Tâm | Thành viên |
| 1.3 Bà: Hoàng Thị Ánh Ngọc | Thành viên |

2. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2015

Trong năm qua, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng, quyền hạn quy định tại điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ban kiểm soát.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty;

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

- Kiểm tra đột xuất một số nội dung khi thị trường chứng khoán có nhiều biến động;

- Giám sát các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại từng thời điểm;

- Tham gia xem xét và thống nhất các số liệu trong báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm 2015, báo cáo đánh

giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát đánh giá các nội dung của báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành và được soát xét bởi công ty kiểm toán độc lập....

- Tham khảo ý kiến về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

- Kiến nghị các biện pháp tổ chức quản lý và triển khai nghị quyết của HĐQT;

- Tham gia một số cuộc họp với HĐQT khi có giấy mời;

- Ngoài ra Ban kiểm soát tham gia các ý kiến đóng góp các biện pháp tổ chức quản lý điều hành hoạt động kinh doanh với Hội đồng quản trị và ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro trong kinh doanh.

II. Kết quả giám sát tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông (ĐHCD) về kế hoạch kinh doanh năm 2015

1. Nghị quyết ĐHCĐ đề ra:

Tại ĐHCĐ thường niên năm 2015 diễn ra ngày 23 tháng 04 năm 2015 thông qua những nội dung:

+ Đại hội thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, Báo cáo Kiểm toán tài chính, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014

+ Đại hội thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán

2. Kết quả thực hiện so với nghị quyết đề ra

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị kinh doanh của công ty và qua việc kiểm tra, kiểm soát, thăm tra báo cáo tài chính năm 2015, ban kiểm soát có đánh giá như sau:

2.1 Kết quả các hoạt động cơ bản: Ngay từ đầu năm, bám sát vào nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty đã quyết liệt triển khai các giải pháp, biện pháp đồng bộ ngay từ đầu năm và đến hết năm 2015, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch dự kiến đề ra đảm bảo cho hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn cụ thể :

2.2 Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực Hiện	Tỷ lệ TH/KH	Chênh lệch TH - KH
Tổng doanh thu	11,800	32,217	273 %	20.417
Chi phí hoạt động kinh doanh	2,050	3,221	157 %	1.171
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,250	4,584	87,3 %	(666)

Lợi nhuận trước thuế	4,600	24,266	527 %	19.666
Lợi nhuận sau thuế	4,600	24,266	527 %	19.666

III. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2015

Căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo đã được kiểm toán, Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty năm 2015 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản kỳ trước và kỳ này:

Đơn vị tính : vnd

Chi tiêu	Báo cáo kỳ trước (2014)	Báo cáo kỳ này (2015)
Tổng tài sản cuối kỳ	135.344.143.549	154.052.801.208
Vốn chủ sở hữu cuối kỳ	112.006.611.815	136.272.970.734
Doanh thu về hoạt động kinh doanh	6.474.767.605	32.217.786.915
Trong đó:	1.582.854.731	13.639.636.295
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	62.219.527	15.617.977.793
- Doanh thu HD đầu tư chứng khoán, góp vốn	861.000.000	1.006.454.000
- Doanh Thu hoạt động tư vấn		39.271.267
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.968.693.347	1.914.447.560
- Doanh thu khác		
Chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ	(8.627.057.760)	3.221.304.970
Trong đó :		
+ Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.094.037.696	3.054.890.913
+ (Chi phí)/Hòa nhập dự phòng chứng khoán	(13.721.095.456)	166.414.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ	7.188.946.348	4.583.888.907
Thu nhập khác		753.765.881
Chi phí khác trong kỳ		900.000.000
Kết quả lãi/lỗ kinh doanh trong kỳ	7.912.879.017	24.266.3581.919

- Trong năm 2015 Công ty đã cố gắng hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch theo theo Tờ trình của Ban điều hành Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, kết quả kinh doanh lợi tăng 527% so với kế hoạch dự kiến. Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2015 đặt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là: 4 tỷ 600 triệu đồng. Kết thúc năm tài chính 2015, Công ty đã thực hiện được lợi nhuận sau thuế là: 24 tỷ 266 triệu đồng (Xóa hết lỗ lũy kế : 24 tỷ 033 triệu đồng) có lợi nhuận 233 triệu đồng.

IV. Kết quả thẩm định báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2015

(Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng)

Căn cứ vào báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của công ty và báo cáo đã được kiểm toán, Ban Kiểm toán đã thẩm định Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau :

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	34.739.202.455	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	3.606.229.376	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	65.345.431.831	
5	Vốn khả dụng	117.772.911.113	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng % (6=5/4)	180,23%	

Căn cứ theo thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi thông tư 226, công ty đã lập và thực hiện báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dung hướng dẫn. Trong đó với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng 180,23% đạt yêu cầu so với quy định của cơ quan chức năng (Tỷ lệ dưới 180% áp dụng chế độ báo cáo bất thường (1 tháng/2 lần), tỷ lệ từ 120% đến 150% UBCK đưa vào diện kiểm soát, dưới 120% đưa vào diện kiểm soát đặc biệt) và đảm bảo an toàn trong hoạt động có tính liên tục của công ty.

V. Nhận xét về báo cáo tài chính 2015 và báo cáo an toàn tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2015

- Báo cáo Tài chính năm 2015 của Công ty CPK An Phát đã được kiểm tra, kiểm soát bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Đây là một Công ty Kiểm toán uy tín, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán chứng khoán, ngân hàng.

- Ban kiểm soát đã kiểm tra Báo cáo Tài chính năm 2015 của Công ty và nhất trí với các nhận xét của Công ty Kiểm toán "**Báo cáo Tài chính 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ theo các quy định về lập và trình bày phù hợp với quy định của thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/ 12/2010 đã được sửa đổi và thông tư số 165/2012/TT-BTC sửa đổi , bổ sung một số điều của thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/ 12/2010 của Bộ tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính

VI. Báo cáo về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành

1. Kiểm tra hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ tuân thủ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- HĐQT đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo quy định để triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

- Các thành viên HĐQT thường xuyên có mặt đầy đủ trong các cuộc họp HĐQT.

- Các thành viên HĐQT không có hoạt động gì ảnh hưởng tiêu cực đến Công ty và quyền lợi của các Cổ đông.

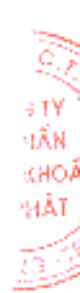
- Thư ký HĐQT đã Công ty cung cấp đầy đủ nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm Soát Công ty.

- Trong năm 2015, HĐQT đã bám sát các diễn biến và hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời ban hành các nghị quyết định hướng phù hợp với tình hình thị trường từng thời điểm, đưa ra các quyết sách kịp thời cắt giảm bớt chi phí Doanh nghiệp như: giảm biên chế lao động, giảm chi phí phù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tối đa vv...

2. Kiểm tra hoạt động của BDH

- BDH Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.

- BDH Công ty đã thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, quản trị rủi ro, nhất là trong công tác quản lý hoạt động hỗ trợ đầu tư, giao dịch với khách hàng và kiểm tra cập nhật tài khoản của nhà đầu tư.



- Các hoạt động sử dụng vốn đều nằm trong hạn mức quy định của HĐQT phê duyệt.

3. Các kiến nghị của Ban kiểm soát:

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã kiến nghị kịp thời với Công ty về các vấn đề:

+ Yêu cầu thường xuyên và tăng cường rà soát tài khoản của các nhà đầu tư, quản lý rủi ro, đặc biệt trong hoạt động hỗ trợ đầu tư.

+ Kiến nghị Ban điều hành về các biện pháp đôn đốc, xử lý và thu hồi các khoản nợ đến hạn kịp thời.

+ Thực hiện đúng các quy định về tỷ lệ hỗ trợ cho nhà đầu tư

+ Khuyến cáo Ban điều hành về rà soát hoạt động tự doanh để giảm thiểu các rủi ro cho Công ty trong điều kiện thị trường chứng khoán xấu.

+ Tăng cường quản lý doanh thu và chi phí, kiểm soát nội bộ.

+ Tăng cường công tác ban hành các văn bản nội bộ.

- Tăng cường quản lý, đào tạo nâng cao chất lượng làm việc của cán bộ, nhân viên tránh mắc lỗi nghiệp vụ có thể gây bất lợi cho tài chính và thương hiệu của Công ty.

4. Kiến nghị chi thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Trong năm 2015 kinh doanh của Công ty có lợi nhuận đạt 527% theo kế hoạch dự kiến.

Vậy trường ban kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông mức chi thù lao cho Hội đồng quản trị Và Ban kiểm soát trong năm 2015 như sau:

- Thù lao cho Hội đồng quản trị
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị : 30.000.000 đồng / năm
 - Thành viên Hội đồng quản trị : 15.000.000 đồng/ năm/ người
- Thù Lao cho Ban kiểm soát :
 - Trưởng ban Kiểm soát : 20.000.000 đồng/năm
 - Thành viên ban kiểm soát : 10.000.000 đồng/năm/người
- Trích thưởng 1% trên tổng số lãi vượt kế hoạch dự kiến cho Ban Điều Hành Công ty .

VII. Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm Soát

Năm 2016, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty . Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua các Báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác và đưa ra cảnh báo các vấn đề rủi ro tiềm ẩn và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.

Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất, Ban Kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

• **Hoạt động cụ thể :**

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Thẩm định báo cáo an toàn tài chính
- Báo cáo hoạt động quản trị- Điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành

Trên đây là Báo cáo về hoạt động và kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát trong năm 2015 và kế hoạch hoạt động trong năm 2016 của BKS APG. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Chúc Quý vị cổ đông và HĐQT sức khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội đồng Cổ đông thường niên thành công tốt đẹp.

Xin Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- HĐQT
- Lưu VP HĐQT, BKS

**Thay mặt Ban Kiểm soát
Trưởng Ban**



Lê Thị Mai Hòa



Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
PHƯƠNG AN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát.

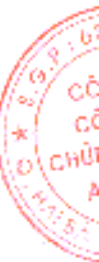
Qua các báo cáo của HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG) về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch kinh doanh năm 2016, mục tiêu trọng tâm ổn định để phát triển bền vững trong thời gian tới, đưa công ty tự chủ về tài chính, đáp ứng nhu cầu hội nhập với những thách thức và cơ hội lớn.

Cùng với sự phục hồi từng bước của nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy những cơ hội kinh doanh có thể đem lại hiệu quả tốt cho Công ty. Để nắm bắt được thời cơ cũng như củng cố, mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty đồng thời đem lại những lợi ích lớn hơn cho Quý vị cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Với mục đích mở rộng và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng Quản trị xét thấy sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ cho Công ty để thực hiện các công việc như sau:

- Nâng cao chỉ tiêu an toàn tài chính
- Bổ sung thêm nguồn vốn lưu động;
- Chuẩn bị các điều kiện cho các nghiệp vụ giao dịch mới.



B. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát
2. Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Vốn điều lệ hiện tại : 135.289.000.000 VND
5. Số lượng CP hiện tại : 13.528.900 cổ phiếu
6. Tỷ lệ phát hành 2:3 : cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 03 cổ phiếu mới
7. Số lượng cổ phiếu phát hành : 20.293.350 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu sau phát hành : 33.822.250 cổ phiếu
9. Vốn điều lệ mới : 338.222.500.000 đồng
10. Đối tượng phát hành :

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua.

11. Số lượng cổ phiếu phát hành cho nhà đầu tư nước ngoài:

Công ty cam kết số lượng cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ này và số lượng cổ phiếu nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sau khi kết thúc đợt chào bán đảm bảo đáp ứng tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.

12. Phương án làm tròn:

Khi chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền, số cổ phiếu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng cổ phiếu nhỏ hơn 01 đơn vị sẽ không được thực hiện

13. Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đặt mua hết

Số lượng cổ phiếu còn dư do làm tròn hoặc các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số cổ phần được mua theo tỷ lệ chào bán, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho các cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Ví dụ: Cổ đông A có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng sở hữu 123 cổ phần, với tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu mới là 2:3, số cổ phiếu mới mà Cổ đông A được quyền mua là $123 \times 3 : 2 = 184,5$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, Cổ đông A trên thực tế sẽ được quyền mua 184 cổ phiếu mới và 0,5 cổ phiếu lẻ sẽ được HĐQT tổng hợp lại và chào bán cho các đối tượng khác.

14. Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

Kết thúc phiên giao dịch ngày 07/04/2016, cổ phiếu APG đóng cửa tại mức giá 6.000đồng/cổ phần.

Tại thời điểm 31/12/2015, giá trị sổ sách 01 cổ phiếu APG là: 10.072 đồng/cổ phiếu.

15. Phương thức phân phối :

Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:

- ✓ Đối với các cổ đông đã lưu ký: phân phối thông qua các thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch chứng khoán;
- ✓ Đối với các cổ đông chưa lưu ký: phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

16. Phương thức thực hiện quyền :

❖ *Nguyên tắc*

- Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo tỷ lệ thực hiện quyền là 2:3 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, 02 quyền được mua 03 cổ phiếu mới).
- Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ căn cứ vào thời gian cấp phép của UBCKNN để công bố chính thức thời hạn đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần.
- Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 01 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phiếu.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không được mua hết: Số lượng cổ phiếu đòi ra do làm tròn và số lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

❖ *Thủ tục đăng ký, nộp tiền và chuyển giao cổ phiếu*

Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu

Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông và phối hợp với VSD để tổng hợp danh sách cổ đông có quyền mua thêm cổ phiếu mới.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Công ty phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông thông qua các thành viên lưu ký. Các trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty có trách nhiệm thông báo phân bổ quyền trực tiếp đến từng cổ đông.
- Các cổ đông sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành theo tỷ lệ được mua đã quy định trong thời hạn được thông báo. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ

phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền tại các thành viên lưu ký đó hoặc tại trụ sở Công ty trong trường hợp chưa lưu ký.

- Trong thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu được thông báo, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận mức giá chuyển nhượng.
 - + *Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều đã lưu ký chứng khoán:*
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng khác thành viên lưu ký: Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua chứng khoán được thực hiện tại Thành viên lưu ký của bên chuyển nhượng quyền. Thành viên lưu ký bên chuyển nhượng kiểm tra việc sở hữu quyền của người chuyển nhượng quyền và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán.
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng thuộc cùng một thành viên lưu ký: Thành viên lưu ký xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua chứng khoán cho các bên liên quan và gửi thông báo Xác nhận quyền mua chứng khoán cho bên nhận chuyển nhượng để thực hiện việc đăng ký, nộp tiền mua chứng khoán mới chào bán thêm.
 - + *Bên chuyển nhượng hoặc bên nhận chuyển nhượng hoặc cả hai bên cùng chưa lưu ký chứng khoán:*
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng đã lưu ký, bên nhận chuyển nhượng chưa lưu ký: Bên nhận chuyển nhượng tiến hành mở tài khoản chứng khoán và thực hiện chuyển nhượng.
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng chưa lưu ký, bên nhận chuyển nhượng đã lưu ký: việc chuyển nhượng được thực hiện tại Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát
 - ✓ Trường hợp bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều chưa lưu ký: việc chuyển nhượng được thực hiện tại Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát
- Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu chào bán theo quyền mua trong thời gian thực hiện quyền. Kết thúc thời gian thực hiện quyền, các quyền mua không được thực hiện sẽ đương nhiên hết hiệu lực, cổ đông sở hữu quyền mua đó sẽ không nhận được bất cứ sự đền bù nào từ phía Công ty.

Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền

- Kết thúc thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần, thành viên lưu ký lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua chứng khoán tại thành viên lưu ký và Danh sách cổ đông thực hiện quyền (mua chứng khoán phát hành thêm) sau 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- Đồng thời các thành viên lưu ký chuyển tiền thanh toán mua chứng khoán của nhà đầu tư vào tài khoản tiền gửi đăng ký mua chứng khoán của VSD để VSD chuyển tiền vào Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Bước 4: Phân phối chứng khoán

- VSD gửi báo cáo phân bổ chứng khoán phát hành thêm đến các thành viên lưu ký.
- Thành viên lưu ký hạch toán số chứng khoán phát hành thêm vào tài khoản lưu ký chứng khoán chưa niêm yết. Khi cổ phiếu được thông báo chính thức niêm yết, số chứng khoán được hạch toán vào tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký thì cổ phiếu được phân phối trực tiếp tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát.

Bước 5: Tổng kết chào bán và đăng ký niêm yết bổ sung

- Kết thúc việc phân phối cổ phiếu, Công ty sẽ gửi Báo cáo chào bán cho UBCKNN.
- Sau khi nhận được chấp thuận kết quả chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung đối với cổ phiếu phát hành thêm.

17. Thời gian phát hành

Trong năm 2016 sau khi xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước.

C. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng Vốn điều lệ này của Công ty sẽ được dùng để bổ sung vào nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

D. UỶ QUYỀN

Để đảm bảo cân đối tất cả các công việc nhằm đem lại lợi ích tốt nhất cho Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Lựa chọn thời điểm triển khai việc tăng Vốn điều lệ thích hợp;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ;
- Thay đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Thay đổi Giấy Đăng ký kinh doanh cho phù hợp với quy mô vốn mới và báo cáo Đại hội trong kỳ Đại hội kế tiếp;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để nhanh chóng đưa cổ phiếu mới phát hành vào giao dịch nhằm đảm bảo quyền lợi cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN HÒ HƯNG

TỜ TRÌNH

V/v : Kế hoạch kinh doanh năm 2016

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Tờ trình về “ Kế hoạch kinh doanh năm 2016 ” như sau :

Năm 2016 được xác định là một năm có ý nghĩa quan trọng của APG sau khi hoàn thành mục tiêu trong đề án Tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015, mở đầu cho một giai đoạn phục hồi mạnh mẽ.

I. Môi trường kinh tế vĩ mô và triển vọng TTCK Việt Nam năm 2016

Triển vọng năm 2016 đối với nền kinh tế Việt Nam gồm nhiều thách thức và cơ hội. Các dự báo kinh tế cho biết GDP 2016 dự kiến sẽ tăng 6,7-6,9%, tỷ lệ lạm phát có thể dao động trong vùng 1,8-3,5%, vốn FDI thực hiện có thể đạt 13,5-17 tỷ USD, mặt bằng lãi suất tăng nhẹ trở lại, tin dụng và cung tiền tăng trưởng so với năm 2015.

Năm 2016, VN-Index được dự báo có thể đạt trên 600 điểm. Cùng với đó, động thái của khối ngoại được đa số các chuyên gia cho rằng sẽ mua ròng. Với nỗ lực nghiên cứu các chính sách ngày càng hoàn thiện hơn, đồng thời bổ sung các sản phẩm mới..., TTCK Việt Nam được kỳ vọng sẽ nâng hạng. Thị trường dự báo sẽ có sự phân hóa mạnh giữa các ngành và nhóm cổ phiếu. Mức độ tăng trưởng thị trường năm 2016 dự báo không nhiều, kèm theo rủi ro lớn hơn vì vậy hoạt động đầu tư cần thận trọng, định hướng vào các doanh nghiệp cơ bản, quản trị minh bạch và triển vọng nổi bật trong các ngành khuyến nghị.

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2016

1. Những nhiệm vụ trọng tâm

HĐQT APG xác định giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn bứt phá với APG; nâng cao năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập để xây dựng vị thế APG. Để đạt được mục tiêu này, định hướng điều hành mang chiến lược giai đoạn 2016-2020 bao gồm:

- (i) Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn, từng bước tự chủ tài chính; nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.



- (ii) Phát triển nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, năng lực quản trị và thương hiệu APG.
- (iii) Củng cố và duy trì vị thế các mảng kinh doanh trọng tâm như tư vấn tài chính.
- (iv) Thúc đẩy mảng môi giới cho khách hàng tổ chức, tư vấn mua bán sáp nhập (M&A).

2. Các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty

Đơn vị : triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch KH 2016	Tỷ lệ 2016 với 2015
A	Doanh thu kinh doanh CK	18,000	55.87%
1	Doanh thu môi giới	6,500	47.65%
2	Doanh thu hoạt động tự doanh	7,500	48.02%
3	Doanh thu vốn kinh doanh	2,500	130.55%
3.1	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1,500	146.20%
3.2	Doanh thu cho vay HTĐT, UT	1,000	112.49%
4	Thu từ dịch vụ tư vấn tài chính	1,500	143.54%
5	Doanh thu khác		
B	Chi phí	7,250	
I	Chi phí HĐ kinh doanh CK	2,400	
1	Chi môi giới hoa hồng đại lý	400	118.34%
2	Chi phí hoạt động tự doanh	-500	79.62%
2.1	Chi HĐ tự doanh CK		
2.2	Hoàn nhập dự phòng giảm giá CK	-500	79.62%
2.3	Dự phòng giảm giá CK		
3	Chi phí vay vốn kinh doanh	500	101.83%
4	Chi trực tiếp hoạt động KDCK	2,000	66.23%
5	Chi phí bù đắp rủi ro KD		
II	Chi phí quản lý	4,850	105.80%
1	Chi nhân viên, BH, Y tế, Công đoàn	2,500	103.43%
1.1	Quỹ lương cơ sở	2,500	103.43%
1.2	Lương phụ trội khi đạt KHKD		
2	Chi phí CCDC, VPP ..	300	82.64%
3	Khấu hao TSCĐ	1,000	101.11%
4	Dịch vụ mua ngoài, thuê, phí	1,050	128.83%
4.1	Thuê VP	450	101.12%
4.2	Chi mua ngoài khác	600	162.16%
5	Chi khác (PR, đối ngoại, quảng cáo ..)		
C	Thu nhập khác		
D	Chi bất thường khác		
Đ	Lãi gộp	10,750	
E	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	
F	Thu nhập không chịu thuế khác	0	
G	Lãi sau thuế	10,750	

3. Các giải pháp để thực hiện mục tiêu kinh doanh năm 2016

Trong năm 2016, HĐQT APG sẽ tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban điều hành để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm giữ vững thành quả đã đạt được và nâng cao năng lực cạnh tranh trên phạm vi toàn Công ty. Cụ thể :

- Nâng cao năng lực tài chính thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn, chuyển sàn giao dịch HSX, tự chủ tài chính trong điều kiện hội nhập để củng cố và xây dựng vị thế APG trên thị trường trong nước.
- Tập trung phát triển dịch vụ trong đó đặc biệt là các nghiệp vụ Tư vấn tài chính, Môi giới và Giao dịch ký quỹ. Lấy Tư vấn làm thế mạnh nổi trội của APG trong giai đoạn tới, thể hiện đẳng cấp và giá trị của APG.
- Lấy sự hài lòng của khách hàng và đối tác làm thước đo uy tín của APG, thúc đẩy quảng bá thương hiệu.
- APG đang chuẩn bị tốt các yêu cầu cần thiết để tham gia thị trường chứng khoán phái sinh từ 1.7.2016 : tài chính, công nghệ, nhân lực, quy trình và quản trị rủi ro.
- Nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng, tính chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp. Xây dựng chính sách động lực, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

NGUYỄN HỒ HÙNG

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v : Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát;
- Căn cứ Công văn số 1183/UBCK-QLCB ngày 15/3/2016 về một số vấn đề cần lưu ý khi tổ chức DHDCD thường niên năm 2016.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính trong năm tài chính 2016 của APG như sau ;

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng tài chính lớn tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm
- Đáp ứng được yêu cầu của APG về phạm vi và tiến độ kiểm toán.

2. Đề xuất công ty kiểm toán

Dựa trên các tiêu thức lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính đề xuất Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là công ty sẽ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính trong năm 2016.

APG vừa là thành viên thị trường chứng khoán vừa là công ty đại chúng niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội HNX do vậy báo cáo kiểm toán

dòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng cũng như đảm bảo tính kịp thời về công bố thông tin.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là công ty đã thực hiện kiểm toán cho APG năm tài chính 2015. Vì vậy, nếu chọn AASC APG sẽ có lợi thế về mặt thời gian do không phải thực hiện các thủ tục kiểm thử và trình bày lại số đầu kỳ. Qua một số năm làm việc, AASC đã đáp ứng tốt các tiêu chí trên, tạo thuận lợi cho APG trong công tác công bố thông tin tài chính minh bạch, chính xác, kịp thời đến các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý.

3. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Với các đề xuất nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình HĐQT :

- Thông qua các tiêu thức nêu tại mục 1 và công ty kiểm toán nêu tại mục 2 để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét BCTC, báo cáo tỷ lệ ATTC trong năm tài chính 2016;
- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC theo đề xuất của Ban Kiểm soát để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC, báo cáo tỷ lệ ATTC trong năm tài chính 2016.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận :

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HÓ HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**

Số : 04/2016/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua BCTC và Báo cáo tỷ lệ ATTC đã kiểm toán năm 2015

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua BCTC và Báo cáo tỷ lệ ATTC đã kiểm toán năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

BCTC và Báo cáo tỷ lệ ATTC đã kiểm toán năm 2015 đã được công bố thông tin theo quy định đồng thời được đăng tải trên website của APG www.apsi.vn.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỒ HƯNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**
Số :/5/2016/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v : Sửa đổi, bổ sung Điều lệ APG

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTC v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Ngày 26/11/2014, Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 (Luật Doanh nghiệp 2014) thay thế Luật Doanh nghiệp 2015.

Ngay khi Luật Doanh nghiệp 2014 ra đời, APG đã tổ chức rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị APG kính trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phù hợp theo các quy định của pháp luật hiện hành.

APG vừa là công ty chứng khoán vừa là công ty đại chúng niêm yết trên sở HNX nên Điều lệ của APG cần tuân thủ đúng quy định Điều lệ mẫu dành cho công ty chứng khoán cũng như Điều lệ mẫu của công ty đại chúng.

Với tình hình cập nhật văn bản nêu trên của các cơ quan chức năng APG kính trình Đại hội thông qua Điều lệ APG.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỒ HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**
Số : 06/2016/NQ-HĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v : Miễn nhiệm thành viên HĐQT

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Đinh Quốc Thắng, Tv.HĐQT APG

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Tờ trình

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận :

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỒ HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN AN PHÁT**
Số : 07/2016/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v : Bầu bổ sung thành viên HĐQT

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Tờ trình

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỒ HƯNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v : Chuyển sàn giao dịch sang HSX

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG);
- Căn cứ tình hình thực tế hoạt động của APG

Qua các báo cáo của HĐQT APG về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và Kế hoạch kinh doanh năm 2016, mục tiêu ổn định để phát triển bền vững trong thời gian tới, trọng tâm đưa công ty tự chủ về tài chính, đáp ứng nhu cầu hội nhập với những thách thức và cơ hội lớn.

Sàn HSX với quy mô vốn hóa cao

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APG) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển sàn giao dịch sang HSX như sau :

1. Hủy niêm yết toàn bộ số lượng cổ phiếu APG đang lưu hành vào thời điểm chuyển sàn tại HNX và đăng ký giao dịch tại HSX.
2. Ủy quyền cho HĐQT chủ động xây dựng phương án, hồ sơ thủ tục pháp lý cần thiết và xem xét quyết định thời điểm chuyển sàn niêm yết cụ thể, phù hợp với yêu cầu của UBCKNN, HNX, HSX và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các thủ tục pháp lý khác liên quan.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỒ HÙNG

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

Ngày 30/03/2016

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Kế hoạch KH 2016	Tỷ lệ 2016 với 2015
A	Doanh thu kinh doanh CK	11,900	32,217	18,000	55.87%
1	Doanh thu môi giới	1,800	13,640	6,500	47.65%
2	Doanh thu hoạt động tự doanh	2,500	15,617	7,500	48.02%
3	Doanh thu vốn kinh doanh	5,000	1,915	2,500	130.55%
3.1	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	2,000	1,026	1,500	146.20%
3.2	Doanh thu Margin	3,000	889	1,000	112.49%
4	Thu từ dịch vụ tư vấn tài chính	2,600	1,045	1,500	143.54%
5	Doanh thu khác				
B	Chi phí	7,300	7,805	7,250	
I	Chi phí HĐ kinh doanh CK	2,050	3,221	2,400	
1	Chi môi giới hoa hồng đại lý	50	338	400	118.34%
2	Chi phí hoạt động tự doanh	-500	-628	-500	79.62%
2.1	Chi HĐ tự doanh CK				
5	Hoàn nhập dự phòng giảm giá CK	-500	-628	-500	79.62%
2.3	Dự phòng giảm giá CK				
3	Chi phí vay vốn kinh doanh	500	491	500	101.83%
4	Chi trực tiếp hoạt động KDCK	2,000	3,020	2,000	66.23%
5	Chi phí bù đắp rủi ro KD				
II	Chi phí quản lý	5,250	4,584	4,850	105.80%
1	Chi nhân viên, BH, Y tế, Công đoàn	2,500	2,417	2,500	103.43%
1.1	Quy lương cơ sở	2,500	2,417	2,500	103.43%
1.2	Lương phụ trội khi đạt KHKD		0		
2	Chi phí CCDC, VPP ..	300	363	300	82.64%
3	Khấu hao TSCĐ	1,400	989	1,000	101.11%
4	Dịch vụ mua ngoài, thuế, phí	1,050	815	1,050	128.83%
4.1	Thuế VP	450	445	450	101.12%
4.2	Chi mua ngoài khác	600	370	600	162.16%
5	Chi khác (PR, đối ngoại, quảng cáo ..)				
C	Thu nhập khác		754		
D	Chi bất thường khác		900		
Đ	Lãi gộp	4,600	24,266	10,750	
E	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0		0	
F	Thu nhập không chịu thuế khác	0		0	
G	Lãi sau thuế	4,600	24,266	10,750	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

T/M BAN ĐIỀU HÀNH

T/M HĐQT




 CHỦ TỊCH HĐQT
 Nguyễn Hồ Hưng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (DỰ THẢO)
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Hà Nội, ngày ... tháng năm 2016

MỤC LỤC

Căn cứ pháp lý

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

Điều 7. Quyền của Công ty

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

Chương II. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông

Mục 1. Vốn Điều lệ, cổ phần

Điều 10. Vốn Điều lệ

Điều 11. Các loại cổ phần

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

Điều 13. Cổ phiếu

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 15. Mua lại cổ phần

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ

Mục 2. Cổ đông sáng lập; quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Điều 17. Thông tin về cổ đông sáng lập

Điều 18. Quyền của cổ đông của Công ty

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

Chương III. Quản trị, Điều hành công ty

Mục 1. Quản trị, Điều hành của công ty cổ phần

Điều 21. Bộ máy quản trị Điều hành của Công ty

Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 33. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Điều 37. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc); Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 39. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc)

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Điều 44. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 45. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Chương IV. Xử lý mối quan hệ với các đối tác liên quan

Điều 64. Các tranh chấp có thể xảy ra

Điều 65. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

Điều 66. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

Điều 67. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Chương V. Quản lý tài chính, kế toán

Điều 68. Năm tài chính

Điều 69. Hệ thống kế toán

Điều 70. Kiểm toán

Điều 71. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

Điều 72. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Điều 73. Trích lập các quỹ theo quy định

Chương VI. Gia hạn thời hạn hoạt động, tổ chức lại, giải thể và phá sản công ty

Điều 74. Gia hạn thời hạn hoạt động

Điều 75. Tổ chức lại Công ty

Điều 76. Giải thể

Điều 77. Phá sản

Chương VII. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

Điều 78. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Chương VIII. Hiệu lực của Điều lệ

Điều 79. Ngày hiệu lực

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều

của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

- Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán An Phát tại Nghị quyết số..... ngày.....,

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty cổ phần chứng khoán An Phát;
- b) “Vốn Điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
- c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- e) “Người quản lý công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
- f) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
- g) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- h) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của Điều Khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, Điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần chứng khoán An Phát

Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần chứng khoán An Phát
- b. Tên tiếng Anh: An Phat Securities Joint Stock Company
- c. Tên giao dịch: APSI
- d. Tên viết tắt: APG

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Trụ sở Công ty:

- a. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, 30-32 phố Hòa Mã, phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội
- b. Điện thoại: 04.39410277 Fax: 04.39410323 Email: anphat@apsi.vn
- c. Địa chỉ trang web: www.apsi.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

- a. Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;
- b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c. Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa Điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;
- d. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là:

- a. Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

b. Quyền của người đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
- Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên: Nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của Công ty bị tạm giam, phạt tù, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật, thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của Công ty.

7. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

(Lưu ý: Trường hợp công ty có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật, Điều lệ công ty phải quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật, xác định rõ người đại diện theo pháp luật đăng ký chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; mối quan hệ ràng buộc giữa những người đại diện theo pháp luật; cơ chế chuyển giao trách nhiệm giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế, mất năng lực hành vi hoặc bị tước quyền hành nghề....).

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:

- a. Môi giới chứng khoán;
- b. Tự doanh chứng khoán;
- c. Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài Khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, giao dịch ký quỹ và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: phát triển thành một trong những công ty chứng khoán uy tín của Việt Nam, xây dựng được niềm tin vững vàng của nhà đầu tư.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - d. Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
 - f. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài Khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;

g. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;

h. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

i. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;

j. Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

k. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;

2. Nghĩa vụ đối với cổ đông:

a. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;

b. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

c. Không được thực hiện các hành vi sau:

- Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông;
- Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
- Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

a. Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;

b. Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;

c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;

d. Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, Mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;

e. Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;

f. Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

g. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;

h. Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;

i. Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

j. Bảo mật thông tin của khách hàng:

- Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc Điều tra, phong toà, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;

- Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

+ Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

+ Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

k. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

a. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên Khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

b. Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;

c. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa Điểm ngoài các địa Điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;

- d. Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người dùng tên tài Khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- e. Không sử dụng tên hoặc tài Khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- f. Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- g. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- h. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i. Hợp đồng mở tài Khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:

a. Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:

- Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
- Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
- Đồng thời làm Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

b. Chỉ được mở tài Khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;

c. Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài Khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;

3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc:

a. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác;

b. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;

c. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Mục 1

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty là 135.289.000 VND (bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ hai trăm tám mươi chín nghìn Việt Nam đồng).

Điều 11. Các loại cổ phần (đối với công ty cổ phần)

1. Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 13.528.900 cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

2. Các loại cổ phần của Công ty:

a. Cổ phần phổ thông: 13.528.900 cổ phần;

b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần;

c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;

d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần;

3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Đặc điểm của các loại cổ phần:

a. Cổ phần phổ thông: Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết;

b. Cổ phần ưu đãi biểu quyết: Là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập mới được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;

c. Cổ phần ưu đãi cổ tức: Là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết

qua kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;

d. Cổ phần ưu đãi hoàn lại: là cổ phần được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các Điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: Văn bản, tệp dữ liệu điện tử.
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với sổ đăng ký cổ đông).

Điều 13. Cổ phiếu (quy định đối với công ty cổ phần)

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này;
2. Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày thành lập, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng này vẫn phải đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông sáng lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Hết thời hạn trên, các hạn chế đối với phần vốn góp của cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập chỉ áp dụng đối với số cổ phần đã mua tại thời Điểm thành lập Công ty.
3. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được

UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các Điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp mua lại cổ phần

a. Mua lại theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

b. Mua lại theo quyết định của Công ty :

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Cách thức tăng vốn Điều lệ của Công ty:

- Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thường;
- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.

3. Việc giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo Điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2

CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Thông tin về cổ đông sáng lập

1. Cổ đông sáng lập là cổ đông mua cổ phần, tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.

2. Các thông tin cơ bản của cổ đông sáng lập:

- Tên:

- Địa chỉ thường trú:
- Quốc tịch:
- Số Giấy phép thành lập (đối với pháp nhân), Giấy chứng minh nhân dân (đối với cá nhân): ... ngày cấp: ... nơi cấp: ...
- Số cổ phần, giá trị cổ phần tính theo mệnh giá, tỉ lệ nắm giữ cổ phần, loại cổ phần, tổng số cổ phần được quyền chào bán theo từng loại cổ phần của từng cổ đông sáng lập.

c. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ cổ phần tối thiểu 20% vốn Điều lệ. Cổ đông sáng lập là ngân hàng, công ty bảo hiểm, tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật phải duy trì tỷ lệ nắm giữ tối thiểu 20% vốn Điều lệ trong vòng ba (03) năm kể từ ngày thành lập.

Điều 18. Quyền của cổ đông Công ty

1. Quyền của cổ đông phổ thông:

- Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:
 - + Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
 - + Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - + Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

(Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời Điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền).

+ Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, Điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời Điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, Mục đích kiểm tra;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết:

- Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định của Điều lệ này;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác.

3. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức:

- Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết các Khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

4. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại:

- Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định của Điều lệ này;

- Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định phần số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền
 - Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

- Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;

- Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Chương III

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Mục 1

QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 21. Bộ máy quản trị Điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc
4. Ban Kiểm soát.

I. Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại (Lưu ý: đối với cổ phần phổ thông Công ty chỉ được mua lại không quá 10%);
 - h. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - i. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp

a. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

b. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 18 Điều lệ này;
- Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

b. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Điểm a Khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

d. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 18 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc
- b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh Nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu:....

Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Thông qua chương trình và nội dung họp:

Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết với các nội dung theo quy định của pháp luật như sau :

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để Điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

6. Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo Điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty;

f) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo thể thức sau:

7.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

7.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định của pháp luật .

7.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

7.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

7.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7.6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử,

việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

7.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

II. Hội đồng quản trị

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

i. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý công ty sau: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng; quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý công ty trong Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

- m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý công ty;
- q. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- r. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho Mục đích này;
- s. Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- t. Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với Điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
- u. Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:
- Công ty hoặc Ban lãnh đạo của Công ty bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp;
 - Tình trạng tài chính của Công ty liên tục suy giảm và không đáp ứng được các Điều kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 10% trên vốn chủ sở hữu;
 - Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát;
 - Xảy ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khách hàng.
- v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức họp online. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

7. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- Quyền được cung cấp thông tin:

+ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

+ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;

+ Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định pháp luật hiện hành.

- Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:

+ Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;

+ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo luật định;

- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

b. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

- Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;

- Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo luật định.
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị của Công ty có 03 thành viên. Trong đó, số lượng của thành viên Hội đồng quản trị độc lập là 01 thành viên.
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 02 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được thành viên mới thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- c. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ....

Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
- 2. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 3. Thông tin về những người được đề cử vào Hội đồng quản trị phải được công bố trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông, gồm có: danh tính của ứng viên; danh tính của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó; độ tuổi và trình độ học vấn của ứng viên; kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của ứng viên; những vị trí công tác mà ứng viên đảm nhiệm trong vòng năm (05) năm qua; những vị trí công tác mà ứng viên đang đảm nhiệm; báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp ứng viên đó được tái bổ nhiệm; bản chất mối quan hệ của ứng viên với Công ty; các vị trí trong Hội đồng quản trị hoặc các vị trí chủ chốt khác mà ứng viên nắm giữ, được đề cử tại các công ty khác; quan hệ của ứng viên với người có liên quan trong Công ty; quan hệ của ứng viên với đối tác kinh doanh chính của Công ty; những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của ứng viên và những vấn đề khác có thể ảnh hưởng tới nhiệm vụ, tính độc lập của ứng viên với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị; việc ứng viên từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu của Công ty (nếu có).

4. Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng 03 năm qua.

5. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và Điều kiện quy định tại Khoản 6 Điều này.

6. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

c. Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết);

d. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

e. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ (Đối với công ty chứng khoán mà Nhà nước sở hữu trên 50% vốn Điều lệ);

f. Các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:

- Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, người quản lý và nhân viên của Công ty;

- Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

- Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để Điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;

- Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;

- Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

- Các điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Tiêu chuẩn và Điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 33. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại các văn bản pháp luật quy định về

quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ Điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ Điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

3. Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị giống với nhiệm kỳ của các thành viên khác.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn giống thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:

a. Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban Kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị phản đối đề nghị này;

b. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;

c. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý công ty;

d. Đưa ra các ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

5. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo luật định.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

- f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h. Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc;
 - i. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - k. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - l. Tạo Điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Điều hành và những thành viên không Điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - m. Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - n. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

- 1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp một (01) lần.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các

thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a. Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

b. Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c. Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Điều hành của Hội đồng quản trị;

d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ Mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị 03 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức;

d. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

4. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ như sau:

- a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
- g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;
- m. Các chức năng khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

- a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
- b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- d. Các chức năng khác theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ:

- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

- b. Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- c. Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
- d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

III. Tổng Giám đốc

Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của (Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm Mục tiêu theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

- a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của Tổng Giám đốc;
- b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
- c. Trách nhiệm báo cáo của Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

5. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

i. Tổng Giám đốc không tham gia vào bất cứ hoạt động kinh doanh nào ngoài những việc liên quan tới vai trò quản lý, Điều hành Công ty và việc quản trị các công ty con của Công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Tổng Giám đốc phải Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Quyền lợi và trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

a. Quyền lợi của thành viên Tổng Giám đốc:

- Thành viên Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc được trả theo luật định.

- Tiền lương của thành viên Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành Mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

- Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;

- Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo luật định;

- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.

4. Đáp ứng các Điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

5. Các tiêu chuẩn và Điều kiện khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ này.
2. Có đơn xin từ chức.
3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Tổng giám đốc.

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;

b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;

c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h. Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

a. Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

b. Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

c. Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

e. Các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;

b. Xác định rủi ro của Công ty;

c. Đo lường rủi ro;

d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

IV. Ban Kiểm soát

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời Điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo nguyên tắc quy định tại Luật Doanh nghiệp. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

4. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:

a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và Điều hành Công ty;

b. Kiểm tra tình hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, Điều hành hoạt động kinh doanh; tình hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, Điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ này;

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;

j. Xây dựng quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;

k. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Quyền của Ban Kiểm soát:

- Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

- Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Được cung cấp thông tin đầy đủ:

+ Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời Điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

+ Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời Điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

+ Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời Điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

+ Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa Điểm khác; có quyền đến các địa Điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

+ Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, Điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

- Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác theo quy định pháp luật hiện hành.

b. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả Công ty.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 44. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu một quý một lần.
3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên tham dự.

Điều 45. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty.
3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
4. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.
5. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.
6. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV

XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 64. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát Tổng Giám đốc Điều hành hay người quản lý công ty;
- c. Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.

2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 65. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập đề hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:

- a. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;
- b. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 66. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

1. Đối với công ty cổ phần

a. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu còn lại đồng ý;

d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b, c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các Khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 67. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin

a. Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;

b. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông/thành viên và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông/thành viên và công chúng đầu tư.

2. Nội dung công bố thông tin

a. Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;

- Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;

- Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

b. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.

4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 68. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 69. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 70. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.

2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều Khoản và Điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các Khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 70 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 71. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức, thưởng và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Trường hợp cổ tức, thưởng hay những Khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4. Ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, lợi nhuận, thưởng:

Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông cụ thể và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 72. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 73. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SÀN CÔNG TY

Điều 74. Gia hạn thời hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty để thông qua biểu quyết về việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty.
2. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ được gia hạn thêm khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên trên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 75. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 76. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn và được UBCK chấp thuận;
 - c. UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 77. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chương VII

SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 78. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những Điều Khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương VIII

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 79. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 08 Chương 79 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán An Phát nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm
6. Chữ ký của **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY** (đôi với trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ) (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu).